**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**MÔN ĐỊA KHỐI 12**

**từ ngày 27/9 – 2/10/ 2021**

**(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)**

1. **HƯỚNG DẪN HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Bài 6 & 7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI** | **1.   Đặc điểm chung của địa hình:**  **2.   Các khu vực địa hình: : (Atlat tr 13+14)**  ***a. Khu vực đồi núi***:  **Vùng núi Tây Bắc**  **Vùng núi Đông Bắc**  **Vùng núi Trường Sơn Bắc**  **Vùng núi Trường Sơn Nam**  **Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du** |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | Học sinh nghiên cứu SGK 12, “**Bài 6 & 7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI**  1.Nêu khái quát bốn đặc điểm của địa hình VN.  - CM địa hình nước ta chủ yếu là địa hình đồi núi thấp?  xác định các hướng núi chính của nước ta? Kể tên 1 số dãy núi tương ứng.  + Hướng TB-ĐN: Hoàng Liên Sơn, ...  + Hướng vòng cung: 4 cánh cung  - Nêu biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ?  Hang, động, khe rãnh, bãi bồi,  - Lấy ví dụ về địa hình chịu tác động của con người?  ***2.Nội dung tìm hiểu của từng vùng:***  - Giới hạn của vùng  - Đặc điểm địa hình:  + Độ cao  + Hướng địa hình, một số dạng địa hình, dãy núi, sông chính  + Hướng nghiêng địa hình |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*** | * Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học * Hoàn thành bài tập củng cố. * Gửi lại thông tin phản hồi nếu gặp khó khăn trong quá trình tự học. |

1. **KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**Bài 6 & 7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI**

**1.   Đặc điểm chung của địa hình:**

- Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

+ Đồi núi chiếm ¾, đồng bằng chiếm ¼.

+ Đồng bằng và đồi núi thấp dưới 1000 m chiếm 85% diện tích, địa hình núi cao trên 2000mchiếm 1% diện tích.

- Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng:

+ Địa hình được vận động Tân Kiến tạo làm  trẻ lại và có tính phân bậc rõ rệt.

+ Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

+ Địa hình gồm 2 hướng chính: Hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung.

- Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa:

+ Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi.

+Bồi tụ phù sa ở vùng đồng bằng.

- Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người: Bề mặt địa hình bị biến đổi mạnh và xuất hiện nhiều dạng địa hình nhân tạo : đê điều, kênh đào, đập thủy điện….Do phá rừng, làm mất lớp phủ thực vật, làm đất bị xói mòn ,rửa trôi, tạo điều kiện để phát triển địa hình mương xói ở miền núi

**2.   Các khu vực địa hình: : (Atlat tr 13+14)**

***a. Khu vực đồi núi***: Chia thành 4 vùng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | * **Vùng núi Tây Bắc:** | * **Vùng núi Đông Bắc:** |
| **\*Giới hạn:** | Nằm giữa sông Hồng và sông Cả. | Nằm ở phía đông của sông Hồng |
| **\*Hướng núi:** | Tây Bắc- Đông nam | Vòng cung |
| **\*Địa hình:** | - Cao nhất nước  - Gồm 3 dải địa hình chạy cùng hướng:  + Phía Đông là dãy núi cao đồ sộ Hoàng Liên Sơn , có đỉnh Phanxipang cao 3143m  + Phía Tây là các dãy núi  trung bình chạy dọc biên giới Việt – Lào: Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao.    + Ở giữa thấp hơn là  các sơn nguyên, cao nguyên đá vôi từ Phong Thổ đến Mộc Châu, nối với đồi núi đá vôi ở Ninh Bình- Thanh Hóa. | - Chủ yếu là đồi núi thấp 500-600m  -Gồm 4 cánh cung lớn chụm lại ở Tam Đảo, mở ra phía Bắc và phía Đông (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều).  - Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam:  + Thượng nguồn sông Chảy: Núi cao trên 2000m  + Giáp biên giới Việt - Trung là các khối núi đá vôi đồ sộ ở Hà Giang,Cao Bằng.  + Trung tâm là vùng đồi núi thấp. |
| **\*Xen giữa các dãy núi:** | Có các  thung lũng sông cùng hướng núi Tây Bắc – Đông Nam  như: sông Đà, sông Mã, sông Chu. | Có các thung lũng sông  cùng hướng núi vòng cung như: Sông Cầu, S.Thương,  S. Lục Nam |

* **Vùng núi Trường Sơn Bắc:**

- Từ sông Cả đến dãy Bạch Mã.

- Gồm các dãy núi chạy song song và so le nhau

- Hướng Tây Bắc – Đông Nam.

- Địa hình thấp, hẹp ngang và nâng cao ở hai đầu:

+ Phía bắc là vùng núi tây Nghệ An.

+ Phía nam là vùng núi tây Thừa Thiên – Huế

+ Ở giữa thấp trũng là vùng đá vôi Quảng Bình và vùng đồi núi thấp Quảng Trị.

- Mạch núi cuối cùng (dãy Bạch Mã) đâm ngang ra biển là ranh giới với vùng núi  Trường Sơn Nam

* **Vùng núi Trường Sơn Nam:**

- Từ dãy Bạch Mã đến bán bình nguyên ở Đông Nam Bộ ( khoảng vĩ tuyến 110 B).

- Hướng núi: Vòng cung.

- Gồm các khối núi và cao nguyên.

- Địa hình bất đối xứng giữa 2 sườn đông – tây.

+ Phía Đông: Là các khối núi cao đồ sộ, sườn  đông dốc  đứng  bên dải đồng bằng hẹp ven biển : khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ

+ Phía Tây: Là các bề mặt  cao nguyên ba dan xếp tầng tương đối bằng phẳng (Pleiku,Đăk Lăk,Mơ Nông, Di Linh) có độ cao từ 500 -800- 1000m và các bán bình nguyên xen đồi.

* **Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du:**

- Nằm chuyển tiếp giữa vùng núi và đồng bằng.

- Bán bình nguyên rõ nhất ở Đông Nam Bộ với các bậc thềm phù sa cổ ở độ cao 100m và bề mặt phủ ba dan ở độ cao 200m.

- Dải đồi trung du  mở rộng  ở rìa phía bắc và phía tây đồng bằng sông Hồng,thu hẹp ở rìa đồng bằng ven biển miền Trung,phần nhiều là các bậc thềm phù sa cổ bị chia cắt do tác động của dòng chảy.

1. **BÀI TẬP CỦNG CỐ**

**Câu 1-NB.** Cấu trúc địa hình nước ta gồm các hướng núi chính

A.tây-đông và bắc-nam

B.tây bắc- đông nam và vòng cung

C.tây bắc – đông nam và bắc –nam

D.vòng cung và tây- đông

**Câu 2 - NB**. Đặc điểm chung của địa hình vùng đồi núi Đông Bắc

A.địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế

B.địa hình đồi núi cao chiếm ưu thế

C.địa hình chủ yếu là cao nguyên, sơn nguyên

D.gồm các dãy núi song song và so le theo hướng Tây bắc –Đông nam

1. **PHẢN HỒI THÔNG TIN**

**(Những thắc mắc của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.)**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| Địa | **1.   Đặc điểm chung của địa hình:**  **2.   Các khu vực địa hình: : (Atlat tr 13+14)**  ***a. Khu vực đồi núi***:  **Vùng núi Tây Bắc**  **Vùng núi Đông Bắc**  **Vùng núi Trường Sơn Bắc**  **Vùng núi Trường Sơn Nam**  **Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du** | 1.  2.  3. |